

**Chương 2**  
**Phân tích báo cáo tài chính**

- Hệ thống các báo cáo tài chính
- Các tỷ số tài chính
- Phương pháp Dupont
- Ưu nhược điểm của phân tích tỷ số tài chính

2-1

---

---

---

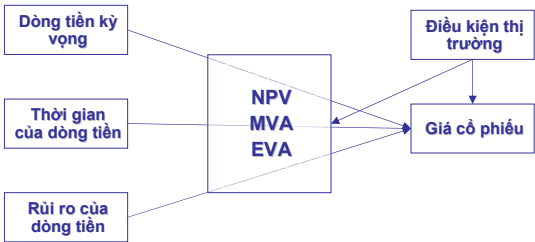
---

---

---

---

**Giá cổ phiếu**



2-2

---

---

---

---

---

---

---

**Phân tích tài chính**

- Là việc đánh giá tình trạng tài chính của công ty trong quá khứ, hiện tại và tương lai
- Nhằm xác định điểm mạnh và điểm yếu về tài chính của công ty
- Công cụ phân tích
  - Các báo cáo tài chính
  - So sánh các tỷ số tài chính trong quá khứ, so sánh với ngành, lĩnh vực và các công ty trên thị trường



2-3

---

---

---

---

---

---

---

### Các báo cáo tài chính

- Bảng cân đối tài sản: cho biết tình trạng tài chính của công ty vào một thời điểm.
- Báo cáo kết quả kinh doanh: tóm tắt doanh thu và chi phí phát sinh của công ty trong một thời kỳ.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: cho biết ảnh hưởng của các hoạt động tới dòng tiền của công ty trong một thời kỳ.

2-4

---

---

---

---

---

---

---

### Nguồn thông tin

- Báo cáo thường niên
  - Tên website của UBCK hoặc công tyVí dụ:
  - [www.ssc.gov.vn](http://www.ssc.gov.vn)
  - [www.vse.org.vn](http://www.vse.org.vn)
  - [www.hastc.org.vn](http://www.hastc.org.vn)
- Các website về đầu tư
  - Ví dụ
    - [www.vndirect.com.vn](http://www.vndirect.com.vn)
    - [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn)

2-5

---

---

---

---

---

---

---

### Bảng cân đối tài sản

- | <u>Tài sản</u>  | <u>Nguồn vốn</u>  |
|---|---|
| • Tài sản lưu động: <ul style="list-style-type: none"><li>– Tiền và chứng khoán tương đương tiền</li><li>– Các khoản phải thu</li><li>– Tồn kho</li></ul> | • Nợ ngắn hạn: <ul style="list-style-type: none"><li>– Các khoản phải trả</li><li>– Nợ ngắn hạn</li></ul>   |
| • Tài sản cố định: <ul style="list-style-type: none"><li>– Tài sản cố định hữu hình</li><li>– Tài sản cố định vô hình</li></ul>                           | • Nợ dài hạn  |
|   | • Vốn chủ sở hữu: <ul style="list-style-type: none"><li>– Vốn cổ phần</li><li>– Lợi nhuận giữ lại</li></ul> |

2-6

---

---

---

---

---

---

---

Ví dụ: D'Leon's  
Bảng cân đối tài sản: Tài sản

	31/12/02	31/12/01
Tiền mặt	7,282	57,600
Các khoản phải thu	632,160	351,200
Hàng tồn kho	1,287,360	715,200
Tài sản lưu động	1,926,802	1,124,000
Nguyên giá TSCĐ	1,202,950	491,000
Trừ: Khấu hao lũy kế	263,160	146,200
Giá trị còn lại TSCĐ	939,790	344,800
Tổng tài sản	2,866,592	1,468,800

2-7

---

---

---

---

---

---

---

---

Ví dụ: D'Leon's  
Bảng cân đối tài sản: Nguồn vốn

	31/12/02	31/12/01
Các khoản phải trả	524,160	145,600
Vay ngắn hạn	636,808	200,000
Chi phí phải trả	489,600	136,000
Tổng nợ ngắn hạn	1,650,568	481,600
Vay dài hạn	723,432	323,432
Vốn cổ phần	460,000	460,000
Lợi nhuận để lại	32,592	203,768
Tổng vốn CSH	492,592	663,768
Tổng nợ và vốn CSH	2,866,592	1,468,800

2-8

---

---

---

---

---

---

---

---

### Báo cáo kết quả kinh doanh

- Doanh thu thuần = Tổng doanh thu – Thuế VAT đầu ra- Thuế tiêu thụ đặc biệt đầu ra- Các khoản giảm trừ
- Lợi nhuận gộp = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán
- Lợi nhuận trước thuế, lãi và khấu hao (EBITDA) = Lợi nhuận gộp – Chi phí hoạt động
- Lợi nhuận trước thuế và lãi (EBIT) = EBITDA - Khấu hao
- Lợi nhuận trước thuế (EBT) = EBIT - Lãi vay
- Lợi nhuận ròng (NI) (Lợi nhuận sau thuế EAT) = EBT- Thuế
- Lợi nhuận ròng là yếu tố cơ bản của dòng tiền của công ty, do vậy đóng vai trò quyết định giá trị cổ phiếu

2-9

---

---

---

---

---

---

---

---

### Ví dụ: D'Leon's Báo cáo kết quả kinh doanh

	2002	2001
Doanh thu thuần	6,034,000	3,432,000
Giá vốn hàng bán	5,528,000	2,864,000
Chi phí hoạt động	519,988	358,672
EBITDA	(13,988)	209,328
Khấu hao	116,960	18,900
EBIT	(130,948)	190,428
Chi phí lãi vay	136,012	43,828
Lợi nhuận trước thuế	(266,960)	146,600
Thuế	(106,784)	58,640
Lợi nhuận ròng	(160,176)	87,960

2-10

### Ví dụ: D'Leon's Các số liệu khác

	2002	2001
Tổng số cổ phần	100,000	100,000
EPS	-\$1.602	\$0.88
DPS	\$0.11	\$0.22
Giá cổ phiếu	\$2.25	\$8.50

2-11

### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Ví dụ: D'Leon's (2002)

<b>HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	
Thu nhập ròng	(160,176)
Cộng (Các khoản làm tăng tiền):	
Khấu hao	116,960
Tăng các khoản phải trả	378,560
Tăng chi phí phải trả	353,600
Trừ (Các khoản làm giảm tiền):	
Tăng các khoản phải thu	(280,960)
Tăng hàng tồn kho	(572,160)
Dòng tiền thuần từ HĐKD	(164,176)

2-12

### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Ví dụ: D'Leon's (2002)

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	
Đầu tư mua sắm TSCĐ	(711,950)
HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	
Tăng vay ngắn hạn	436,808
Tăng vay dài hạn	400,000
Thanh toán cổ tức bằng tiền	(11,000)
Dòng tiền thuần từ HĐTC	825,808
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	(50,318)
Cộng: Tiền mặt đầu năm	57,600
Tiền mặt cuối năm	7,282

2-13

### Nhận xét về tình trạng tài chính của D'Leon's

- Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh = -\$164,176, chủ yếu do thu nhập ròng (NI) âm.
- Công ty đã vay \$825,808 để đáp ứng nhu cầu tiền mặt.
- Mặc dầu đã vay tiền, số dư tiền mặt vào cuối năm vẫn giảm \$50,318.

2-14

### Thu nhập hoạt động sau thuế ròng (NOPAT)

$$\text{NOPAT} = \text{EBIT} (1 - \text{Thuế})$$

$$\begin{aligned}\text{NOPAT}_{02} &= -\$130,948(1 - 0.4) \\ &= -\$130,948(0.6) \\ &= -\$78,569\end{aligned}$$

$$\text{NOPAT}_{01} = \$114,257$$

2-15

### Vốn lưu động thường xuyên (NWC)

- VLĐ thường xuyên (NWC)

= Nguồn vốn dài hạn- TSCĐ

= Tài sản lưu động - Nợ ngắn hạn

$$\begin{aligned} \text{NWC}_{02} &= (\$7,282 + \$632,160 + \$1,287,360) \\ &\quad - (\$524,160 + 636,808 + \$489,600) \\ &= \$276,234 \end{aligned}$$

$$\text{NWC}_{01} = \$642,400$$

2-16

---

---

---

---

---

---

---

### Vốn lưu động hoạt động ròng (NOWC)

NOWC = Tài sản lưu động-Nợ ngắn hạn không chịu lãi

$$\begin{aligned} \text{NOWC}_{02} &= (\$7,282 + \$632,160 + \$1,287,360) \\ &\quad - (\$524,160 + \$489,600) \\ &= \$913,042 \end{aligned}$$

$$\text{NOWC}_{01} = \$842,400$$

2-17

---

---

---

---

---

---

---

### Vốn hoạt động (Operating Capital)

Vốn hoạt động = NOWC + Giá trị còn lại TSCĐ

$$\begin{aligned} \text{Vốn hoạt động}_{02} &= \$913,042 + \$939,790 \\ &= \$1,852,832 \end{aligned}$$

$$\text{Vốn hoạt động}_{01} = \$1,187,200$$

2-18

---

---

---

---

---

---

---

### Nhận xét về ảnh hưởng của sự mở rộng kinh doanh của D'Leon's

	2002	2001
Doanh thu thuần	\$6,034,000	\$3,432,000
NOPAT	-\$78,569	\$114,257
NWC	\$276,234	\$642,400
NOWC	\$913,042	\$842,400
Vốn hoạt động	\$1,852,832	\$1,187,200
Thu nhập ròng	-\$160,176	\$87,960

2-19

### Dòng tiền ròng (NCF) và dòng tiền hoạt động (OCF)

$$\begin{aligned} \text{NCF}_{02} &= \text{NI} + \text{Khấu hao (Dep)} \\ &= (\$160,176) + \$116,960 \\ &= -\$43,216 \\ \text{NCF}_{01} &= \$87,960 + \$18,900 = \$106,860 \\ \text{OCF}_{02} &= \text{NOPAT} + \text{Dep} \\ &= (\$78,569) + \$116,960 \\ &= \$38,391 \\ \text{OCF}_{01} &= \$114,257 + \$18,900 \\ &= \$133,157 \end{aligned}$$

2-20

### Dòng tiền tự do (FCF)

$$\begin{aligned} \text{FCF} &= \text{OCF} - \text{Tổng đầu tư vốn} \\ &= \text{NOPAT} - \text{Đầu tư vốn ròng} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{FCF}_{02} &= \text{NOPAT} - (\text{Vốn hoạt động}_{02} - \text{Vốn hoạt động}_{01}) \\ &= -\$78,569 - (\$1,852,832 - \$1,187,200) \\ &= -\$744,201 \end{aligned}$$

Dòng tiền tự do âm có phải luôn luôn là tín hiệu xấu không?

2-21

### Khả năng thanh toán với nhà cung cấp của D'Leon

- Trong năm 2002, các khoản phải thu tăng 260%, trong khi đó doanh thu chỉ tăng được 76%. Công ty có thể không đủ khả năng thanh toán với nhà cung cấp
- Nếu điều này tiếp diễn, các nhà cung cấp có thể ngừng cho phép trả chậm đối với D'Leon's.

2-22

---

---

---

---

---

---

---

### Tài trợ vốn cho việc mở rộng kinh doanh

- D'Leon huy động nguồn vốn từ bên ngoài bằng cách vay nợ dài hạn, điều này làm giảm sức mạnh tài chính và tính linh hoạt của công ty.
- Công ty phải huy động thêm vốn vì theo báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong năm 2002 công ty cần \$711,950 để đầu tư mua sắm TSCĐ.

2-23

---

---

---

---

---

---

---

### Phân tích tỷ lệ tài chính

- Từ các nguồn lực vốn có, các công ty tạo ra lợi nhuận thông qua:
  - Sản xuất các hàng hoá và dịch vụ
  - Phân phối các hàng hoá và dịch vụ tới người tiêu dùng
- Các tỷ lệ tài chính
  - Đo lường mối quan hệ giữa các nguồn lực vốn có của công ty và kết quả tài chính của hoạt động sản xuất kinh doanh.
  - Cho biết sự khác biệt về tình hình tài chính của công ty với
    - Quá khứ
    - Công ty khác
    - Ngành
    - Thị trường

2-24

---

---

---

---

---

---

---



### Mục đích của phân tích tỷ lệ tài chính

- Tiêu chuẩn hoá thông tin tài chính để tiện cho việc so sánh
- Đánh giá tình hình hoạt động hiện tại
- So sánh với kết quả hoạt động trong quá khứ
- So sánh kết quả hoạt động với các công ty khác hoặc với trung bình ngành
- Nghiên cứu tính hiệu quả cũng như rủi ro của hoạt động công ty



2-25

---

---

---

---

---

---

---

### Các nhóm tỷ lệ tài chính

- Tỷ lệ thanh khoản
  - Đánh giá khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn
- Tỷ lệ cơ cấu vốn
  - Đánh giá tỷ trọng hợp lý của vốn nợ và vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn
- Tỷ lệ khả năng hoạt động
  - Đánh giá năng lực hoạt động của tài sản
- Tỷ lệ khả năng sinh lời
  - Đánh giá khả năng sinh lời trên cơ sở các nguồn lực vốn cố
- Tỷ lệ giá trị thị trường
  - So sánh giá trị thị trường với giá trị sổ sách hoặc thu nhập



2-26

---

---

---

---

---

---

---

### Ví dụ: D'Leon's Bảng cân đối tài sản: Tài sản

	<u>2003E</u>	<u>2002</u>
Tiền mặt	85,632	7,282
Các khoản phải thu	878,000	632,160
Hàng tồn kho	<u>1,716,480</u>	<u>1,287,360</u>
Tài sản lưu động	2,680,112	1,926,802
Nguyên giá TSCĐ	1,197,160	1,202,950
Trừ: Khấu hao lũy kế	<u>380,120</u>	<u>263,160</u>
Giá trị còn lại TSCĐ	<u>817,040</u>	<u>939,790</u>
Tổng tài sản	<u>3,497,152</u>	<u>2,866,592</u>

2-27

---

---

---

---

---

---

---

Ví dụ: D'Leon's  
Bảng cân đối tài sản: Nguồn vốn

	2003E	2002
Các khoản phải trả	436,800	524,160
Vay ngắn hạn	300,000	636,808
Chi phí phải trả	408,000	489,600
Tổng nợ ngắn hạn	1,144,800	1,650,568
Vay dài hạn	400,000	723,432
Vốn cổ phần	1,721,176	460,000
Lợi nhuận để lại	231,176	32,592
Tổng vốn CSH	1,952,352	492,592
Tổng nợ và vốn CSH	3,497,152	2,866,592

2-28

Ví dụ: D'Leon's  
Báo cáo kết quả kinh doanh

	2003E	2002
Doanh thu thuần	7,035,600	6,034,000
Giá vốn hàng bán	5,875,992	5,528,000
Chi phí hoạt động	550,000	519,988
EBITDA	609,608	(13,988)
Khấu hao	116,960	116,960
EBIT	492,648	(130,948)
Chi phí lãi vay	70,008	136,012
Lợi nhuận trước thuế	422,640	(266,960)
Thuế	169,056	(106,784)
Lợi nhuận ròng	253,584	(160,176)

2-29

Ví dụ: D'Leon's  
Các số liệu khác

	2003E	2002
Tổng số cổ phần	250,000	100,000
EPS	\$1.014	-\$1.602
DPS	\$0.220	\$0.110
Giá cổ phiếu	\$12.17	\$2.25

2-30

### Tỷ lệ khả năng thanh khoản

Ví dụ: D'Leon's (2003)

- Tỷ lệ thanh toán hiện hành (Current Ratio) = Tài sản lưu động / Nợ ngắn hạn  
 $= \$2,680 / 1,145 = 2.34x$
- Tỷ lệ thanh toán nhanh (Quick Ratio)  
 $= (\text{Tài sản lưu động} - \text{Hàng tồn kho}) / \text{Nợ ngắn hạn}$   
 $= (\$2,680 - 1,716) / 1,145 = 0.84x$

2-31

---

---

---

---

---

---

---

---

### Khả năng thanh toán hiện hành của D'Leon's

	2003	2002	2001	Ngành
Tỷ lệ thanh toán hiện hành	2.34x	1.20x	2.30x	2.70x

- Có khả năng được cải thiện nhưng vẫn thấp hơn trung bình ngành.
- Khả năng thanh toán thấp.

2-32

---

---

---

---

---

---

---

---

### Tỷ lệ khả năng hoạt động

- Hiệu suất sử dụng tài sản
- Vòng quay dự trữ
- Kỳ thu tiền bình quân

2-33

---

---

---

---

---

---

---

---

### Hiệu suất sử dụng tài sản

- Hiệu suất sử dụng tài sản cố định:  
= Doanh thu / Tài sản cố định ròng  
= \$7,036 / \$817 = 8.61x
- Hiệu suất sử dụng tổng tài sản:  
= Doanh thu / Tổng tài sản  
= \$7,036 / \$3,497 = 2.01x

2-34

---

---

---

---

---

---

---

### Hiệu suất sử dụng tài sản của D'Leon's

	2003	2002	2001	Ngành
TSCĐ	8.6x	6.4x	10.0x	7.0x
Tổng TS	2.0x	2.1x	2.3x	2.6x

- Hiệu suất sử dụng TSCĐ cao hơn trung bình ngành.
- Hiệu suất sử dụng tổng tài sản thấp hơn trung bình ngành, do tài sản lưu động quá lớn (các khoản phải thu và hàng tồn kho)

2-35

---

---

---

---

---

---

---

### Vòng quay hàng tồn kho

- Vòng quay hàng tồn kho  
= Doanh thu / Hàng tồn kho  
= \$7,036 / \$1,716 = 4.10x

	2003	2002	2001	Ngành
Vòng quay hàng tồn kho	4.1x	4.70x	4.8x	6.1x

- Vòng quay hàng tồn kho thấp hơn trung bình ngành
- D'Leon có thể có nhiều hàng tồn kho lâu ngày, hoặc việc quản lý hàng tồn kho yếu kém

2-36

---

---

---

---

---

---

---

### Kỳ thu tiền bình quân

Là số ngày bình quân để thu tiền bán hàng  
Kỳ thu tiền bình quân

- = Các khoản phải thu/Doanh thu bình quân ngày
- = Các khoản phải thu/Doanh thu/365
- =  $\$878 / (\$7,036/365)$
- = 45.6

2-37

---

---

---

---

---

---

---

### Kỳ thu tiền bình quân của D'Leon's

	2003	2002	2001	Ngành
Kỳ thu tiền bình quân	45.6	38.2	37.4	32.0

- Việc thu tiền bán hàng của D'Leon ngày càng chậm.
- Chính sách tín dụng khách hàng không hiệu quả.

2-38

---

---

---

---

---

---

---

### Tỷ lệ cơ cấu vốn

- Hệ số Nợ/Tổng tài sản  
= Tổng nợ / Tổng tài sản  
=  $(\$1,145 + \$400) / \$3,497 = 44.2\%$
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu  
= Tổng nợ / Vốn chủ sở hữu  
=  $(\$1,145 + \$400) / \$1,952 = 0.79$
- Khả năng thanh toán lấy vay  
= Lợi nhuận trước thuế và lãi (EBIT)/Lãi vay  
=  $\$492.6 / \$70 = 7.0x$

2-39

---

---

---

---

---

---

---

### Tỷ số cơ cấu vốn của D'Leon's

	2003	2002	2001	Ngành
Nợ/Tổng TS	44.2%	82.8%	54.8%	50.0%
Khả năng thanh toán lãi vay	7.0x	-1.0x	4.3x	6.2x

- Tỷ lệ nợ sẽ giảm dần, khả năng thanh toán lãi vay sẽ được cải thiện

2-40

---

---

---

---

---

---

---

### Tỷ lệ khả năng sinh lời

- Hệ số sinh lợi doanh thu (Profit Margin)  
= Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu  
= \$253.6 / \$7,036 = 3.6%

	2003	2002	2001	Ngành
PM	3.6%	-2.7%	2.6%	3.5%

Hệ số sinh lợi doanh thu năm 2002 rất yếu kém, nhưng sẽ cải thiện đáng kể vào năm 2003 và đạt mức cao hơn trung bình ngành

2-41

---

---

---

---

---

---

---

### Tỷ số khả năng sinh lời

- Hệ số sinh lợi của tài sản (ROA)  
ROA = Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản  
= \$253.6 / \$3,497 = 7.3%
- Hệ số sinh lợi vốn chủ sở hữu (ROE)  
ROE = Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu  
= \$253.6 / \$1,952 = 13.0%
- Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)  
EPS = Lợi nhuận sau thuế / Tổng số cổ phần  
= \$ 253,584 / 250,000 = 1.014
- Cổ tức trên mỗi cổ phần (DPS)  
DPS = Lợi nhuận chi trả cổ tức / Tổng số cổ phần

2-42

---

---

---

---

---

---

---

### Khả năng sinh lời của D'Leon's

	2003	2002	2001	Ngành
ROA	7.3%	-5.6%	6.0%	9.1%
ROE	13.0%	-32.5%	13.3%	18.2%

- Hệ số sinh lợi của tài sản và vốn chủ sở hữu sẽ tăng mạnh, nhưng vẫn thấp hơn trung bình ngành. Công ty cần phải nâng cao hiệu quả hơn nữa
- ROE biến động mạnh chứng tỏ cơ cấu vốn có ảnh hưởng nhất định tới khả năng sinh lời.

2-43

---

---

---

---

---

---

---

---

### Tỷ lệ giá thị trường

- Giá/Thu nhập (P/E): để có 1 đồng thu nhập thì nhà đầu tư phải bỏ ra mấy đồng để mua cổ phiếu.  
 $P/E = \text{Giá/Thu nhập trên mỗi cổ phần} = \$12.17 / \$1.014 = 12.0x$
- Giá thị trường/Giá trị sổ sách (P/B): cho biết mối quan hệ giữa giá trị thị trường và giá trị sổ sách của cổ phiếu  
 $P/B = \text{Giá cổ phiếu/Giá trị sổ sách mỗi cổ phần} = \$12.17 / (\$1,952 / 250) = 1.56x$

2-44

---

---

---

---

---

---

---

---

### Tỷ lệ giá thị trường của D'Leon's

	2003	2002	2001	Ngành
P/E	12.0x	-1.4x	9.7x	14.2x
P/B	1.56x	0.5x	1.3x	2.4x

- Tỷ lệ giá thị trường của công ty đều thấp hơn trung bình ngành, điều này có thể do ROE của công ty thấp hơn và rủi ro của công ty lớn hơn các công ty khác trong ngành.

2-45

---

---

---

---

---

---

---

---

Phương pháp phân tích tài chính Dupont

- Xem xét mối quan hệ tương tác giữa các tỷ lệ tài chính chủ yếu (khai triển ROE)
- Cho phép xác định yếu tố tạo nên điểm mạnh và điểm yếu trong hoạt động công ty
- Cho phép xác định và đánh giá chính xác nguồn gốc làm thay đổi lợi nhuận của công ty, trên cơ sở đó đưa ra giải pháp quản trị phù hợp

2-46

Phương pháp Dupont

ROE

ROA

Tổng TS/Vốn CSH

Hệ số sinh lợi doanh thu

Hiệu suất tổng tài sản

2-47

Phương pháp DuPont

ROE

ROA

Tổng TS/Vốn CSH

Hệ số sinh lợi doanh thu

Hiệu suất tổng tài sản

$$\begin{aligned} \text{ROE} &= \text{ROA} \times (\text{Tổng TS/Von CSH}) \\ &= \frac{\text{LN rong}}{\text{Tong TS}} \times \frac{\text{Tong TS}}{\text{Von CSH}} \end{aligned}$$

2-48

Dương Thị Hồng Vân

CuuDuongThanCong.com

<https://fb.com/tailieudientucntt>



Phương pháp DuPont

ROE

ROA

Tổng TS/Vốn CSH

Hệ số sinh lợi doanh thu

Hiệu suất tổng tài sản

ROA

= He so sinh loi DT x Hieu suat tong TS

=  $\frac{\text{LN rong}}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tong TS}}$

2-49

---

---

---

---

---

---

---

Phương pháp DuPont

ROE

ROA

Tổng TS/Vốn CSH

Hệ số sinh lợi doanh thu

Hiệu suất tổng tài sản

ROE

= He so sinh loi DT x Hieu suat tong TS x (Tong TS/Von CSH)

=  $\frac{\text{LN rong}}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tong TS}} \times \frac{\text{Tong TS}}{\text{Von CSH}}$

2-50

---

---

---

---

---

---

---

Tính ROE của D'Leon's

ROE

= (Hệ số sinh lời doanh thu) x (Hiệu suất tổng tài sản) x

x (1+Nợ/Vốn CSH)

= 3.6% x 2.01 x 1.79

= 13.0%

	HSSLDT	HSTTS	TS/VCSH	ROE
2001	2.6%	2.3	2.2	13.3%
2002	-2.7%	2.1	5.8	-32.5%
2003E	3.6%	2.0	1.8	13.0%
Ngành	3.5%	2.6	2.0	18.2%

2-51

---

---

---

---

---

---

---

### Phương pháp DuPont

$ROE = (\text{Hệ số sinh lời doanh thu}) \times (\text{Hiệu suất tổng tài sản}) \times (1 + \text{Nợ/Vốn CSH})$

- Các biện pháp tăng ROE:
  - Nâng cao hiệu quả quản lý chi phí
  - Nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản
  - Xác định cơ cấu vốn hợp lý
- Nếu kết hợp tốt các biện pháp trên thì có thể tăng ROE

2-52

---

---

---

---

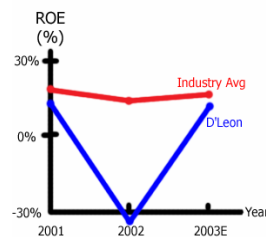
---

---

---

### Phân tích xu hướng

- Phân tích xu hướng của các tỷ lệ tài chính để đánh giá kết quả hoạt động của công ty trong quá khứ và dự báo tình hình tài chính trong tương lai.



2-53

---

---

---

---

---

---

---

### Tóm tắt về phân tích tỷ lệ tài chính

- Vai trò của các tỷ lệ tài chính:
  - Đánh giá hiệu quả hoạt động
  - Phân tích cấu trúc tài chính
  - Cho biết mối liên hệ giữa hoạt động kinh doanh và hiệu quả công ty
  - Khắc phục sự khác biệt về quy mô
- Tiêu chuẩn đánh giá:
  - Quá khứ
  - Ngành



2-54

---

---

---

---

---

---

---

### Hạn chế của phân tích tỷ lệ tài chính

- Trong nhiều trường hợp khó xác định nhóm ngành của công ty
- Các số liệu công bố về ngành chỉ mang tính chất tham khảo
- Chuẩn mực kế toán mà công ty áp dụng có thể khác nhau
- Các tỷ lệ tài chính của ngành có thể chưa phải là tiêu chuẩn so sánh phù hợp
- Yếu tố thời vụ có thể ảnh hưởng tới các tỷ lệ tài chính
- Trong một số trường hợp khó có thể giải thích sự biến động của các tỷ lệ tài chính

2-55



---

---

---

---

---

---

---

### Một số yếu tố định tính cần quan tâm khi đánh giá tình hình tài chính

- Doanh thu của công ty có bị phụ thuộc vào một khách hàng, sản phẩm hay nhà cung cấp nào không?
- Tỷ trọng doanh thu (lợi nhuận) từ nước ngoài là bao nhiêu?
- Đối thủ cạnh tranh của công ty?
- Triển vọng của công ty?
- Môi trường pháp lý của công ty?

2-56

---

---

---

---

---

---

---